

Số: 33/2025/QĐST-DS

Thành phố B, ngày 10 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 28/02/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Trụ sở tại: A, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ký đơn khởi kiện: Ông Nguyễn Văn G – Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B.

Người đại theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1971, địa chỉ: A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Hồ Văn N, sinh năm 1987;

Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 28/02/2025 là 784.415.000 (bảy trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm mười lăm nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 733.325.000 đồng; lãi trong hạn: 50.036.000 đồng, lãi quá hạn: 1.054.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 202327104219 ngày 23/05/2023.

1.2. Ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 28/02/2025 là 1.253.784.000 (một tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 1.200.000.000 đồng; lãi trong hạn: 53.084.000 đồng, lãi quá hạn: 700.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202327100303 ngày 23/5/2023.

1.3. Kể từ ngày 01/3/2025, ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị Kim C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.4. Ông Hồ Văn N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 28/02/2025 là 347.527.573 (ba trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, năm trăm bảy mươi ba) đồng, theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 23/05/2023 và theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 14/09/2023. Kể từ ngày 01/3/2025, ông Hồ Văn N còn phải trả lãi của 02 thẻ tín dụng trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

1.5. Bà Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị Kim C tính đến ngày 28/02/2025 là 55.427.753 (năm mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi ba) đồng, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/05/2023. Kể từ ngày 01/3/2025, bà Nguyễn Thị Kim C còn phải trả lãi của thẻ tín dụng trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

1.6. Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị Kim C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327100303 ngày 23/05/2023 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 202327100303.1 ngày 05/11/2024 mà ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị Kim C đã ký để thu hồi nợ, tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng 500,1m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 959, tờ bản đồ số 07 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS13288 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/04/2022.

Quyền sử dụng 337,6m² (đất ở tại nông thôn: 90m², đất trồng cây lâu năm: 247,6m²), tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 222, tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS04909 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 24/06/2021.

1.7. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch như sau:

Ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị Kim C liên đới nộp số tiền án phí là 36.382.000 (ba mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn) đồng

Ông Hồ Văn N phải nộp số tiền án phí là 8.688.000 (tám triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn) đồng

Bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp số tiền án phí là 1.386.000 (một triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn) đồng

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 39.543.000 (ba mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005582 ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Thi